

BÁO CÁO

sơ kết 02 năm rưỡi thực hiện Kết luận số 17-KL/TU ngày 19/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba khóa XIX về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020

Hơn 02 năm qua, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai, thực hiện Kết luận số 17-KL/TU ngày 19/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba khóa XIX về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020 (*viết tắt là Kết luận 17*) đạt một số kết quả:

I. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và cụ thể hóa, thể chế hóa thực hiện Kết luận 17

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Kết luận 17

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng tuyên truyền, quán triệt, nội dung Kết luận 17 đến tổ chức đảng, đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh (*Hướng dẫn số 20-HD/BTGTU ngày 08/9/2016*), tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh.

2. Về cụ thể hóa, thể chế hóa triển khai thực hiện Kết luận 17

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thể chế hóa, cụ thể hóa Kết luận 17 để tổ chức thực hiện thống nhất (*chi tiết có phụ lục kèm theo*); các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện Kết luận 17 phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị...

II. Kết quả thực hiện Kết luận 17

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị

1.1. Kết quả đạt được

1.1.1. Về công tác khảo sát, đánh giá thực trạng, dự báo nhu cầu nhân lực

Hàng năm, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã quan tâm đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị; có kế hoạch tuyển dụng, cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn; chỉ đạo các cơ quan chức năng khảo sát nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp và xã hội để đào tạo, bồi dưỡng, góp phần cung ứng nhân lực cho các ngành, các lĩnh vực.

1.1.2. Về công tác quy hoạch

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành một số văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp¹. Kết quả, đã phê duyệt quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đối với 76 đồng chí, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 04 đồng chí, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 06 đồng chí; thông báo quy hoạch cho 431 đồng chí ở các sở, ban, ngành cấp tỉnh (*trong đó: cấp trưởng 124 trường hợp, cấp phó 307 trường hợp*) và 725 đồng chí thuộc các chức danh ban thường vụ, bí thư, phó bí thư các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026².

Nhìn chung, công tác quy hoạch cán bộ đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng quan tâm đúng mức, quy trình thực hiện dân chủ, công khai, đúng quy định, bảo đảm phương châm "mở" và "động"; lấy quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; quy hoạch cấp ủy làm cơ sở quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; bảo đảm sự liên thông, gắn kết giữa quy hoạch của các địa phương, sở, ban, ngành; bảo đảm cơ cấu 3 độ tuổi, giãn cách giữa các độ tuổi là 5 năm; cơ bản bảo đảm tỉ lệ cán bộ nữ trong quy hoạch theo quy định. Cụ thể:

- Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015 - 2020: Tỷ lệ nữ chiếm 16,22%, dân tộc thiểu số chiếm 9,01%, cán bộ trẻ dưới 40 tuổi chiếm 7,14%.

- Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ cấp huyện và tương đương nhiệm kỳ 2015 - 2020: Tỷ lệ nữ chiếm 15,02%, dân tộc thiểu số chiếm 15,57%, cán bộ trẻ dưới 40 tuổi chiếm 29,12%.

- Quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2015 - 2020: Tỷ lệ nữ chiếm 20,82%, dân tộc thiểu số chiếm 23,45%, cán bộ trẻ dưới 40 tuổi chiếm 54,64%.

1.1.3. Về công tác luân chuyển cán bộ

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 01-QĐ/TU ngày 15/5/2018 về luân chuyển, điều động cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ trẻ³; xây dựng kế hoạch, phương án điều động, luân chuyển cán bộ giai đoạn 2017 - 2020. Đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy cấp huyện đã thực hiện điều động, luân chuyển 72 lượt cán bộ⁴ cơ bản bảo đảm quy định.

¹ Kế hoạch số 28-KH/TU ngày 25/5/2016 thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh nhiệm kỳ 2015 - 2020; xây dựng quy hoạch cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 và những năm tiếp theo; Kết luận số 209-KL/TU ngày 18/11/2016 về nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình xây dựng quy hoạch cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025; Công văn số 2602-CV/TU ngày 12/3/2018 về rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ năm 2018; chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy xây dựng Hướng dẫn số 04-HD/BTCTU ngày 31/5/2016 về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp...

² Kết quả phê duyệt quy hoạch trong nhiệm kỳ 2015 - 2020, 2020 - 2025: ủy viên ban thường vụ 304 đồng chí; bí thư 49 đồng chí; phó bí thư 82 đồng chí; chủ tịch HĐND 37 đồng chí, phó chủ tịch HĐND 47 đồng chí, chủ tịch UBND 37 đồng chí, phó chủ tịch UBND 84 đồng chí. Đề nghị Trung ương phê duyệt quy hoạch: Ban Thường vụ Tỉnh ủy 15 đồng chí, Bí thư Tỉnh ủy 03 đồng chí, Phó bí thư Tỉnh ủy 04 đồng chí; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh 03 đồng chí, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh 03 đồng chí; Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh 03 đồng chí. Cấp xã: 2144 đồng chí, trong đó: Bí thư: 475 đồng chí; Phó Bí thư: 719 đồng chí; Chủ tịch HĐND xã: 470 đồng chí; Chủ tịch UBND xã: 480 đồng chí.

³ Thay thế Quyết định số 379-QĐ/TU ngày 31/8/2016 về Quy chế luân chuyển, điều động cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ trẻ.

⁴ Trong đó: tỉnh về huyện, thành phố: 07 đồng chí; luân chuyển ngang: 02 đồng chí; huyện này sang huyện khác: 15 đồng chí; huyện, thành phố về xã, phường, thị trấn: 31 đồng chí; xã, phường, thị trấn về huyện, thành phố: 13 đồng chí; xã này sang xã khác: 04 đồng chí.

1.1.4. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị.

- Về đào tạo chuyên môn: Tỉnh đã liên kết mở 06 lớp đào tạo trình độ đại học cho 642 cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã; cử 297 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học⁵; cử 45 lượt cán bộ, công chức đi học các lớp đại học chuyên ngành về công tác Tổ chức, Kiểm tra, Tôn giáo.

- Về đào tạo lý luận chính trị: Cử 419 đồng chí đi học cao cấp lý luận chính trị (trong đó có 109 đồng chí học tập trung, 25 đồng chí học hoàn chỉnh); phối hợp với Học viện Chính trị khu vực III, Đà Nẵng mở 03 lớp Cao cấp Lý luận chính trị tại tỉnh với 270 học viên.

- Về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:

Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho 250 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 532 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện và 11.843 lượt cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã; cử 114 công chức, viên chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành; cử 04 cán bộ tham dự lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức dành cho Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng và đối tượng 02; cử 32 cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn, 01 cán bộ đi bồi dưỡng trung hạn theo Đề án 165; cử 08 đồng chí bí thư và phó bí thư cấp ủy cấp huyện, 16 đồng chí phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy đi bồi dưỡng theo chức danh tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; cử 12 cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khối Nhà nước đi bồi dưỡng kiến thức, năng lực lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp huyện; 185 đồng chí đi bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, công tác tổ chức xây dựng Đảng.

1.1.5. Về hỗ trợ học phí cho sinh viên là người dân tộc thiểu số đang học đại học chính quy ở các trường có uy tín, tạo nguồn cán bộ bổ sung cho hệ thống chính trị, đơn vị sự nghiệp công và phục vụ sản xuất kinh doanh ở miền núi. Bảo đảm cơ cấu, tỷ lệ cán bộ là người dân tộc thiểu số trong các cơ quan của hệ thống chính trị

Thực hiện Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 68/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2020 - 2021, đã có 145 sinh viên đại học là người dân tộc thiểu số được hưởng chính sách này.

1.1.6. Về thực hiện chính sách tuyển chọn, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; tuyển chọn học sinh giỏi, xuất sắc tốt nghiệp trung học phổ thông và

⁵ Trong đó, có: 14 tiến sĩ, 05 thạc sĩ nước ngoài, 176 thạc sĩ, 28 bác sĩ chuyên khoa II và 71 bác sĩ chuyên khoa cấp I, 02 bác sĩ đi học định hướng chuyên khoa, 01 bác sĩ nội trú.

sinh viên giỏi, xuất sắc ở các trường đại học có uy tín cử đi đào tạo đại học, sau đại học trong và ngoài nước đối với ngành, nghề được xác định ưu tiên

Chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 30/9/2016 và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 69/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về tuyển chọn học sinh giỏi, xuất sắc tốt nghiệp trung học phổ thông và sinh viên giỏi, xuất sắc ở các trường đại học có uy tín cử đi đào tạo đại học, sau đại học trong và ngoài nước; đến nay, đã xét, chọn được 04 học sinh cử đi đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Monash (Úc)⁶.

1.1.7. Nâng cao trình độ, năng lực quản lý giáo dục; đánh giá sát thực trạng chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên các cấp; tạo cơ hội cho sinh viên sư phạm tốt nghiệp loại khá, giỏi vào giảng dạy ở các cấp học và khuyến khích dạy và học ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu hội nhập

- Về nâng cao trình độ, năng lực quản lý giáo dục; đánh giá sát thực trạng chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên các cấp.

Ngày 14/5/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 phê duyệt kế hoạch bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Tính đến nay, đã bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho 480 giáo viên các cấp⁷; cử 96 lượt công chức, viên chức ngành giáo dục đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho hơn 2.300 lượt cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên các cấp; 02 đợt tập huấn Bồi dưỡng tiếng Hre cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của các trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS Sơn Hà, Minh Long, Ba Tư. Tính đến nay, bậc Mầm non: 2025/2622 cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ: 77,2%; Tiểu học: 4286/4994 cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ: 85,8%; THCS: 2959/4670 cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ: 63,4%; THPT: 241/2298 cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ: 10,5%.

- Về tạo cơ hội cho sinh viên sư phạm tốt nghiệp loại khá, giỏi vào giảng dạy ở các cấp học, khuyến khích dạy và học ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu hội nhập.

Năm 2017, tổ chức tuyển dụng giáo viên cho các cấp học (THPT, THCS, tiểu học và mầm non) bằng hình thức thi tuyển, tạo cơ hội cho sinh viên sư phạm tốt nghiệp loại khá, giỏi vào giảng dạy ở các cấp học; kết quả, đã tuyển dụng được 1.551 giáo viên cho 4 cấp học từ năm học 2018 - 2019.

Hiện nay, toàn tỉnh đã và đang triển khai thực hiện chương trình dạy và học ngoại ngữ chính khoá (*chủ yếu là tiếng Anh*) trong hệ thống giáo dục phổ thông; đã tiếp cận và triển khai thí điểm chương trình làm quen với Tiếng Anh trong hệ thống giáo dục mầm non. Toàn tỉnh có 32 trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, trong đó có một số trung tâm được đặt hội đồng kiểm tra, đánh giá năng lực theo chuẩn quốc tế của

⁶ Tuy nhiên, chính sách đã dừng thực hiện, do vướng mắc về cơ chế tuyển dụng vào công chức, viên chức sau khi tốt nghiệp.

⁷ Trong đó: chức danh giáo viên mầm non hạng III cho 120 người; chức danh giáo viên tiểu học hạng III cho 120 người; chức danh giáo viên THCS hạng II: 120 người; chức danh giáo viên THPT hạng II: 120 người.

IELTS⁸, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, thực hành ngoại ngữ của cán bộ, công chức và nhân dân.

1.1.8. *Về chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác, làm việc tại tỉnh*

Từ cuối năm 2016 đến hết năm 2017, toàn tỉnh đã thu hút 28 người, gồm: 19 bác sĩ đa khoa, 03 bác sĩ y học dự phòng, 01 bác sĩ y học cổ truyền, 01 tiến sĩ, 04 thạc sĩ và đại học loại giỏi về công tác. Năm 2018, dừng việc tuyển dụng theo chính sách thu hút của tỉnh vì không còn phù hợp với Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ.

1.1.9. *Về chính sách chọn cử bác sĩ giỏi, được đào tạo chính quy đi bồi dưỡng chuyên sâu ở các bệnh viện lớn, có uy tín trong và ngoài nước cả về chuyên môn và kinh nghiệm quản lý*

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 quy định chính sách hỗ trợ bác sĩ được chọn, cử đi bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn và quản lý bệnh viện trong nước và nước ngoài (theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh); xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2016 - 2020⁹; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế, kể cả bồi dưỡng chuyên môn sâu¹⁰. Kết quả, đã cử 04 bác sĩ đi đào tạo chuyên sâu về tim mạch và một số cán bộ đào tạo chuyên sâu về phẫu thuật sàn chậu, gây mê hồi sức, hồi sức sau mổ, tim mạch can thiệp (hiện tại, kỹ thuật can thiệp tim mạch đã được triển khai tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi). Triển khai thực hiện Đề án bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Trung ương Huế về chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ung bướu. Tổ chức Đoàn công tác làm việc với Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về hợp tác, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực y tế cho tỉnh Quảng Ngãi. Ký kết và triển khai thực hiện Bản ghi nhớ về công tác đào tạo, hỗ trợ y tế giữa Sở Y tế và Bệnh viện Đại học Chung-Ang, Hàn Quốc (đã cử 02 bác sĩ đến Hàn Quốc bồi dưỡng về chuyên ngành Sản phụ khoa).

Từ năm 2016 - 2018, đã cử 6.178 lượt cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; lý luận chính trị, quản lý nhà nước.

1.1.10. *Về cơ chế, giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Chính trị tỉnh, Trường Đại học Phạm Văn Đồng và các cơ sở đào tạo của tỉnh*

- Đối với Trường Chính trị tỉnh: Chỉ đạo xây dựng Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập chương trình Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành chính tại Trường; chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên, viên chức về phẩm chất đạo đức, năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Từ năm 2016 đến nay, Trường Chính trị tỉnh đã mở và liên kết mở 86 lớp Trung cấp Lý luận Chính trị - Hành

⁸ Hội đồng Anh - Trung tâm ngoại ngữ Tân Đại Dương, TOEIC (Trung tâm ngoại ngữ Trường Đại học Tài chính Kế toán), các chứng chỉ IELTS, TOEFL (Trung tâm ngoại ngữ Toàn Cầu)...

⁹ Kế hoạch số 510/KH-SYT ngày 17/5/2016 về phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020.

¹⁰ Kế hoạch số 3632/KH-SYT ngày 04/12/2017 về Bồi dưỡng chuyên sâu chuyên môn và quản lý bệnh viện cho bác sĩ năm 2018 và Quyết định số 686/QĐ-SYT ngày 26/3/2018 Phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực y tế năm 2018.

chính, Trung cấp Hành chính, Trung cấp Hành chính - Văn phòng cho 5.933 học viên; mở 72 lớp bồi dưỡng với số lượng 7.429 học viên¹¹.

- *Đối với Trường Đại học Phạm Văn Đồng*: Chỉ đạo xây dựng Đề án sắp xếp đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường, đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giảng viên và cán bộ quản lý từ nguồn tại chỗ; khuyến khích giảng viên trẻ đi học sau đại học trong và ngoài nước; đã thu hút được 02 tiến sĩ về công tác tại Trường. Tổ chức một số hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học cấp bộ môn, cấp khoa và cấp trường; từng bước đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học. Hoàn thiện các bộ công cụ hỗ trợ đào tạo theo hệ thống tín chỉ và nâng cao chất lượng đào tạo. Phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của xã hội và hiện đại hóa theo xu thế tiếp cận các chương trình tiên tiến của các nước. Mở rộng các ngành đào tạo, triển khai công tác đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và chất lượng giáo dục. Ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy và học; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Thực hiện tốt Đề án ngoại ngữ 2020, triển khai chương trình giảng dạy tiếng Anh theo khung năng lực 6 bậc. Mở rộng liên kết với các trường đại học có uy tín nhằm nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo, liên kết đào tạo, đào tạo liên thông và chuyển tiếp ở các bậc đại học, cao học.

1.1.11. Về đổi mới công tác nhận xét, đánh giá cán bộ

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, bảo đảm dân chủ, khách quan, công khai, chặt chẽ và đúng nguyên tắc về công tác đánh giá cán bộ. Các cấp ủy, tổ chức đảng và các cơ quan, đơn vị đã lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác nhận xét, đánh giá cán bộ bảo đảm nguyên tắc công khai, phát huy trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu; thực hiện đúng quy định về nhận xét, đánh giá định kỳ, khi hết nhiệm kỳ, trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử và đánh giá trước khi thực hiện quy hoạch cán bộ.

Hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy gợi ý nội dung kiểm điểm đối với một số tập thể, cá nhân đưa việc kiểm điểm, nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức dần đi vào thực chất. Sau kiểm điểm hàng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều có kết luận nhận xét, đánh giá, xếp loại đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý¹² để làm cơ sở thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ phù hợp với năng lực và yêu cầu công việc.

Việc lấy phiếu tín nhiệm được triển khai thực hiện nghiêm túc. Năm 2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành văn bản hướng dẫn lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ theo Quy định số 262-QĐ/TW ngày 08/10/2014 của Bộ Chính trị, theo dõi việc lấy phiếu tín nhiệm của các địa phương, cơ quan, đơn vị, bước đầu thấy rằng mức độ tín nhiệm của từng người tại thời điểm lấy phiếu cơ bản chính xác và có tác dụng giúp cán bộ được lấy phiếu tín nhiệm điều chỉnh tác phong, phương pháp lãnh đạo, quản lý, điều hành và thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

¹¹ Năm 2016 mở 28 lớp, với 2.245 học viên; Năm 2017 mở 26 lớp với 1.675 học viên; Năm 2018 mở 32 lớp với 2.013 học viên.

¹² Năm 2016: Hoàn thành nhiệm vụ 02 đồng chí (1,7 %); Hoàn thành tốt nhiệm vụ 102 đồng chí (85,7 %); Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ 15 đồng chí (12,6 %). Năm 2017: Không hoàn thành nhiệm vụ 04 đồng chí (3,57 %); Hoàn thành nhiệm vụ: 01 đồng chí (0,89%); Hoàn thành tốt nhiệm vụ 95 đồng chí (84,8 %); Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ 12 đồng chí (10,7 %).

1.1.12. Về đổi mới công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu cán bộ ứng cử

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu cán bộ ứng cử của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng nguyên tắc, quy định, quy trình, cơ bản bảo đảm các điều kiện về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, điều xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; cơ bản bảo đảm được sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ cán bộ. Từ năm 2016 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và giới thiệu cán bộ ứng cử 185 trường hợp (*trong đó, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 61 trường hợp, giới thiệu cán bộ ứng cử 124 trường hợp*); ban thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương đã bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử 1.040 trường hợp.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 306-QĐ/TU ngày 25/5/2016 quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; từ tháng 6/2016 trở đi, cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi bổ nhiệm phải xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ trong 05 năm. Hiện nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đang hoàn thiện đề ban hành Quy định mới về phân cấp quản lý cán bộ, bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử.

1.1.13. Về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế

Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 125-KH/TU, Kế hoạch số 126-KH/TU thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương sáu khoá XII về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị.

- *Kết quả thực hiện Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy: 06/06 cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy đã xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong theo Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy; 04/06¹³ cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị huyện Lý Sơn; giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu, tham mưu xây dựng Đề án sáp nhập Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh và Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn; Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy Ban bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh (*đang thẩm định trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy*); quy định về số lượng cấp phó của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện... Giao Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và triển khai Đề án mở rộng và tổ chức thực hiện mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, 03 Trung tâm phục vụ hành chính công cấp huyện (*thành phố Quảng Ngãi, Đức Phổ, Sơn Hà*) và cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở các cấp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.*

¹³ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Tỉnh đoàn.

Đã thực hiện: Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở 12/14 huyện, thành phố¹⁴; trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị ở 12/14 huyện, thành phố¹⁵; trưởng ban tổ chức đồng thời là trưởng phòng nội vụ ở 06/14 huyện, thành phố¹⁶; chủ nhiệm ủy ban kiểm tra huyện ủy đồng thời là chánh thanh tra ở 03/14 huyện¹⁷. Tiếp tục thực hiện mô hình Bí thư hoặc Phó Bí thư Huyện ủy, Thành ủy (*là đại biểu Hội đồng nhân dân*) đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố. Xây dựng Kế hoạch khắc phục tình trạng thôn trưởng, tổ trưởng tổ dân phố không phải là đảng viên ở 04/14 đơn vị¹⁸.

- *Kết quả thực hiện Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy:* Đã ban hành Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2025. Căn cứ Đề án của tỉnh, các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố đã tiến hành rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy gắn với hoàn thiện cơ cấu tổ chức, khắc phục những chồng chéo, không rõ về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Đến nay, đã giảm được 52 đơn vị sự nghiệp công lập¹⁹.

- *Về tinh giản biên chế:* Từ năm 2015 đến nay, toàn tỉnh đã tinh giản 1.508 người so với biên chế được giao²⁰. Số người tinh giản biên chế thuộc diện dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy; do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác; do chưa đạt trình độ theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm; do năng lực hạn chế... Việc tinh giản biên chế, công chức, viên chức tạo ra được nhiều vị trí trống để thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức có chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, bảo đảm tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

1.2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Công tác khảo sát, đánh giá thực trạng, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực chưa được quan tâm đúng mức; dự báo chưa sát với tình hình thực tế. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa có tính đột phá. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở những thời điểm nhất định chưa gắn với yêu cầu nhiệm vụ, chưa có nhiều cán bộ giỏi về chuyên môn, cấp dưới chưa bổ sung được cán bộ cho cấp trên; việc hỗ trợ sinh viên, học viên là người dân tộc thiểu số đang học đại học, sau đại học ở các trường công lập chưa được quan tâm đúng mức.

¹⁴ Minh Long, Nghĩa Hành, Sơn Hà, Đức Phổ, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Sơn Tây, Bình Sơn, Huyện Ba Tơ, Lý Sơn và Tp. Quảng Ngãi.

¹⁵ Tp. Quảng Ngãi, Sơn Tịnh, Minh Long, Sơn Hà, Tây Trà, Lý Sơn, Bình Sơn, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Đức Phổ, Trà Bồng, Sơn Tây.

¹⁶ Đức Phổ, Tư Nghĩa, Trà Bồng, Sơn Tịnh, Sơn Tây và Tp. Quảng Ngãi.

¹⁷ Đức Phổ, Sơn Tịnh, Trà Bồng.

¹⁸ Minh Long, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh.

¹⁹ Đầu năm 2018, giảm 15 đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện KH số 126-KH/TU của Tỉnh ủy, đến nay đã giảm thêm 37 đơn vị sự nghiệp công lập (lĩnh vực y tế giảm 20 đơn vị, giáo dục giảm 16 đơn vị, sự nghiệp khác giảm 01 đơn vị).

²⁰ Trong đó: Khối Đảng: 40 người, đạt tỷ lệ 3,03 so với biên chế giao năm 2015; khối hành chính Nhà nước: 116 người, đạt tỷ lệ 4,73% so với biên chế giao năm 2015; khối sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước 1.213 người (kể cả 09 y tế xã), đạt 4,8% so với biên chế giao năm 2015; khối sự nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước 21 người; cán bộ công chức cấp xã 110 người và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ là 08 người.

- Việc tuyển chọn học sinh, sinh viên cử đi nước ngoài đào tạo gặp nhiều khó khăn, chỉ có 04 trường hợp/40 chỉ tiêu đủ điều kiện theo quy định, đa số chưa đạt yêu cầu về ngoại ngữ và tuyển dụng vào công chức, viên chức sau khi tốt nghiệp còn nhiều vướng mắc.

- Chính sách thu hút, ưu đãi bác sĩ, dược sĩ đến công tác, làm việc quy định về thời gian cam kết làm việc tại tỉnh lâu hơn chính sách cũ (*chính sách mới cam kết 10 năm so với 05 năm của chính sách cũ*) nên số lượng bác sĩ thu hút được không nhiều; một số bác sĩ, dược sĩ làm việc được một thời gian ngắn chuyển đi làm việc ở nơi khác, việc thu hồi lại số tiền đã hỗ trợ nộp lại ngân sách nhà nước rất phiền hà.

- Việc cử cán bộ đi đào tạo chuyên sâu (*chuyên khoa I, chuyên khoa II, thạc sĩ y học*) đối với cán bộ y tế tuyển cơ sở (huyện, xã) và miền núi, người đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn, hầu như không có cán bộ đăng ký tham dự; nguy cơ thiếu hụt bác sĩ tuyển cơ sở, nhất là tuyển xã lớn (*vì rất khó tuyển dụng bác sĩ hệ chính quy về phục vụ tại tuyển xã, trong khi 100% bác sĩ đang chức được đào tạo tại chức sẽ dần nghỉ hưu theo chế độ*).

- Việc đánh giá cán bộ, công chức ở một số nơi vẫn còn hình thức, cảm tính; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu chưa được phát huy đúng mức; trong đánh giá cán bộ, công chức chưa lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu.

- Tổ chức bộ máy một số cơ quan, đơn vị còn công kênh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối, còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc bỏ sót nhiệm vụ; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ của một số cơ quan, tổ chức chưa thật rõ, còn chồng chéo, trùng lặp... Việc phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý tổ chức bộ máy, biên chế chưa hợp lý, chưa gắn quyền hạn với trách nhiệm. Tinh giản biên chế ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện chưa tốt.

2. Về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh

2.1. Kết quả đạt được

2.1.1. Về chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân, nhà quản lý doanh nghiệp

Hai năm qua, đã mở 33 lớp đào tạo 1.837 lượt học viên về: Khởi sự doanh nghiệp, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị doanh nghiệp chuyên sâu. Học viên tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng được trang bị những kiến thức tổng quan về lý luận, thực tiễn của công tác quản lý doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường; được cập nhật, bổ sung kiến thức về phương pháp và kinh nghiệm quản trị nhân lực của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.1.2. Về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm

Chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh. Theo đó ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp khi đặt hàng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề cho người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh vào

làm việc tại doanh nghiệp; các doanh nghiệp lựa chọn và tham gia phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh trong đào tạo nghề (*giảng dạy lý thuyết, giảng dạy thực hành và đảm bảo các điều kiện thực hiện đào tạo gồm cơ sở vật chất, thiết bị, nhà xưởng*), được thụ hưởng phần kinh phí đào tạo tương ứng với việc tham gia đào tạo và hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động khi tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề.

2.1.3. Về tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người lao động trong đào tạo nghề, giải quyết việc làm

- Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, những năm qua, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã chủ động tăng cường kết nối với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình đào tạo; ký kết đặt hàng đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên thực tập tại doanh nghiệp. Sự liên kết này tạo chuyển biến mạnh giữa đào tạo với giải quyết việc làm và doanh nghiệp thực sự là “cánh tay nối dài” của cơ sở giáo dục nghề nghiệp²¹.

Thực hiện Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh, từ năm 2015 - 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh đã hỗ trợ doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, cập nhật kiến thức cho 1.404 lao động (*năm 2016: 712 người, năm 2017: 692 người*), giúp người lao động đáp ứng được yêu cầu đổi mới công nghệ sản xuất của doanh nghiệp.

2.1.4. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề; đào tạo theo nhu cầu của người sử dụng lao động

- Thực hiện Kết luận 17, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục mở rộng ngành nghề theo yêu cầu của thị trường lao động cả 3 cấp trình độ (*cao đẳng, trung cấp và sơ cấp*); trong đó, tập trung đào tạo nghề trình độ cao về cơ khí, điện tử, công nghệ thông tin... và các ngành dịch vụ chất lượng cao. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức đào tạo nghề; chủ động xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở chuẩn đầu ra (*có sự tham gia của doanh nghiệp, cơ quan sử dụng lao động*); tích hợp một cách hợp lý về kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp, đạo đức nghề nghiệp trong chương trình đào tạo; biên soạn chương trình đào tạo theo phương pháp phân tích nghề, dạy nghề theo mô-đun.

- Các trường đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh đã và đang tổ chức thực hiện chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, chuyển đổi linh hoạt phương thức đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Thường xuyên rà soát danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng đối với các nghề nông nghiệp bảo đảm phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sản xuất nông nghiệp, yêu cầu tái cơ cấu ngành nông

²¹ Kết quả tuyển sinh và tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh trong 02 năm (2016 - 2017): 15.037 học sinh, sinh viên, trong đó, trình độ cao đẳng: 2.933 người; trình độ trung cấp: 3.224 người; trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng: 8.880 người. Số HSSV tốt nghiệp trong 02 năm (2016 - 2017) là: 13.705 người, trong đó, trình độ cao đẳng: 1.675 người; trình độ trung cấp: 3.062 người; trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng: 8.968 người. Số học sinh, sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp là: 12.335 người, đạt 90%. Mức lương trung bình từ 3,5 - 5,5 triệu đồng/tháng.

ng nghiệp; đào tạo nghề gắn với hỗ trợ nông dân liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; lấy quy hoạch sản xuất công nghiệp, dịch vụ, nhu cầu sử dụng lao động theo vị trí làm việc của doanh nghiệp để xây dựng danh mục đào tạo phù hợp.

2.1.5. Về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh ở nông thôn

- *Đào tạo nghề nông nghiệp và bồi dưỡng kiến thức khoa học, kỹ năng sản xuất nông nghiệp, kiến thức kinh tế thị trường, hội nhập cho lao động nông thôn:*

+ *Về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn:* các cơ sở đào tạo thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho 1.858 lao động nông thôn với các nhóm nghề, chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông sản; kinh phí thực hiện là 4.856 triệu đồng. Sau các khóa đào tạo nghề, lao động nông thôn có thêm kiến thức, kinh nghiệm nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế và thu nhập trong sản xuất nông nghiệp.

+ *Về bồi dưỡng, cập nhật kiến thức khoa học, kỹ năng sản xuất nông nghiệp, kiến thức kinh tế thị trường, hội nhập cho lao động nông thôn:* Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức khoa học, kỹ năng sản xuất nông nghiệp, kiến thức kinh tế thị trường, hội nhập cho lao động nông thôn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay, chưa bố trí được kinh phí để thực hiện.

- *Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hợp tác xã nông nghiệp:* Tổ chức 08 lớp tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực hợp tác xã nông nghiệp (có 642 lượt người tham dự, kinh phí hỗ trợ 428.000.000 đồng), từ nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Năm 2018, đã mở 13 lớp tập huấn, bồi dưỡng cho 921 lượt cán bộ, thành viên hợp tác xã; tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm về mô hình hợp tác xã kiểu mới ở các tỉnh với kinh phí 865.990.000 đồng; thực hiện thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại 5 hợp tác xã nông nghiệp, kinh phí 134.010.000 đồng²²; phối hợp với Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn đưa 10 cán bộ, thành viên hợp tác xã nông nghiệp đi làm việc và học tập tại Nhật Bản.

- *Phát triển ngành nghề nông thôn:* Hỗ trợ cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh tham gia các hội chợ triển lãm giới thiệu, quảng bá sản phẩm và tham quan học tập kinh nghiệm. Đã hỗ trợ cho 14 đơn vị tham gia 10 hội chợ triển lãm và các hội chợ khác với tổng kinh phí gần 200 triệu đồng; giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu tham gia chương trình bình chọn Danh hiệu “Thương hiệu Vàng nông nghiệp Việt Nam 2016”, “Tôn vinh sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu năm 2016”, các sản phẩm quế Trà Bồng, tỏi Lý Sơn và Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi đạt danh hiệu “Thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2016”.

- Năm 2017, tổ chức đoàn đi học tập kinh nghiệm tại Quảng Ninh và hỗ trợ 03 doanh nghiệp tham gia quảng bá các sản phẩm đặc trưng của tỉnh như hành, tỏi Lý Sơn; quế Trà Bồng, bò khô... với kinh phí 119 triệu đồng tại Hội chợ đặc sản

²² Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 06/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quảng Ninh lần thứ V. Năm 2018, tổ chức cho các doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm đặc sản và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Thái Nguyên.

2.1.6. Hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động

Hệ thống thông tin về thị trường lao động đã được hoàn thiện, cơ sở dữ liệu cung, cầu được hình thành; phát triển các hình thức giao dịch việc làm, nhất là hệ thống sàn giao dịch việc làm định kỳ 02 lần/tháng. Người lao động được tiếp cận nhiều hơn với hoạt động giao dịch việc làm. Thực hiện dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động, năm 2017 đã tiến hành thu thập thông tin thị trường lao động trên địa bàn tỉnh *cho 309.707 hộ gia đình và 1.926 doanh nghiệp và làm cơ sở để có sự định hướng, hoạch định chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động.*

2.2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Các doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến đào tạo, bồi dưỡng kiến thức; qua khảo sát nhu cầu chỉ có 20% doanh nghiệp phản hồi nên việc mở các lớp đào tạo cho doanh nghiệp rất khó khăn.

- Sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp sử dụng lao động trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề, gắn đào tạo với giải quyết việc làm cho người lao động chưa chặt chẽ, thường xuyên.

- Các cơ sở sản xuất ở nông thôn quy mô nhỏ, chủ yếu là hộ gia đình nên nhu cầu sử dụng lao động chất lượng cao không nhiều. Kinh phí hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia xúc tiến thương mại ít.

- Quản lý nhà nước về hợp tác xã nông nghiệp chưa sâu; năng lực quản lý, tổ chức hoạt động còn nhiều hạn chế. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác chưa đáp ứng yêu cầu.

III. Đánh giá chung

Qua 02 năm thực hiện Kết luận 17, chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh được nâng lên một bước. Công tác khảo sát, đánh giá thực trạng lao động và dự báo nhu cầu nhân lực được các địa phương, cơ quan, đơn vị quan tâm; công tác rà soát, bổ sung quy hoạch, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện luân chuyển cán bộ được thực hiện tương đối đồng bộ; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, cập nhật thông tin, kiến thức hội nhập; thu hút được một số bác sĩ bổ sung cho ngành y tế góp phần đáp ứng cơ bản nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh nhìn chung có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; thái độ phục vụ, giải quyết công việc được cải thiện. Việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị, triển khai xây dựng và thực hiện đề án vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức đạt một số kết quả bước đầu; thực hiện tốt việc tinh giản biên chế, bảo đảm lộ trình đến năm 2021 giảm 10% theo quy định của Trung ương, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị.

Nhận thức về vai trò, vị trí công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội đã có nhiều chuyển biến. Người dân nhận thức rõ lợi ích của việc tham gia học nghề và xuất khẩu lao động để tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống một cách bền vững. Việc thực hiện sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo nghề từng bước tự chủ về tài chính; đổi mới chương trình đào tạo, nâng tính tương thích giữa chất lượng đào tạo và yêu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế nên chất lượng đào tạo tại các cơ sở đào tạo nghề được nâng lên; các cơ sở đào tạo nghề sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực đầu tư của nhà nước đối với công tác đào tạo nghề.

Tuy nhiên, công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của một số địa phương, cơ quan, đơn vị thiếu tầm chiến lược; việc đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí sau quy hoạch chưa được quan tâm đúng mức nên khi làm nhân sự để bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức danh đã được quy hoạch còn khó khăn. Công tác luân chuyển chưa được chú trọng đúng mức, số lượng cán bộ luân chuyển còn ít, có nơi chưa thực hiện được luân chuyển cán bộ. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp chưa theo kịp yêu cầu đổi mới. Huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục đào tạo còn hạn chế. Tỷ lệ sinh viên sư phạm tốt nghiệp loại khá, giỏi vào giảng dạy ở các cấp học thấp. Chính sách thu hút, ưu đãi nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác, làm việc tại tỉnh không còn phù hợp với quy định mới nhưng chưa được thay thế kịp thời. Thiếu hụt bác sĩ tuyến cơ sở, nhất là tuyến xã ngày càng tăng. Một số địa phương, đơn vị chưa chủ động sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy còn trông chờ vào quy định, hướng dẫn của Trung ương, chưa chủ động nghiên cứu, xây dựng mô hình từ thực tiễn. Thực hiện tinh giản biên chế ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa bảo đảm yêu cầu.

Công tác xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển nghề chưa sát với thực tế, cơ sở đào tạo nghề chưa gắn kết có hiệu quả với doanh nghiệp; công tác tư vấn, tuyển sinh học nghề gặp nhiều khó khăn; cơ cấu đào tạo giáo dục nghề nghiệp còn bất cập, chủ yếu vẫn là đào tạo trình độ nghề sơ cấp và dưới 3 tháng; chất lượng, hiệu quả đào tạo của nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu.

** Nguyên nhân của những hạn chế:*

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã nêu trong Kết luận 17, nhất là công tác khảo sát, đánh giá thực trạng, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực; quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển cán bộ trẻ để rèn luyện, thử thách chưa nhiều.

- Quản lý nhà nước liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực còn bất cập; sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong thực hiện Kết luận 17 chưa thật đồng bộ, chặt chẽ; huy động các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển nguồn nhân lực kết quả thấp.

- Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức năng lực yếu, chưa tận tâm, tận lực trong công việc, thiếu tu dưỡng, rèn luyện, đạo đức lối sống, vi phạm kỷ luật.

- Công tác tuyên truyền, tư vấn cho lao động nông thôn tham gia học nghề còn hạn chế. Người dân chưa nhận thức đầy đủ về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của đào tạo nghề. Công tác xây dựng kế hoạch, định hướng phát triển nghề chưa sát với thực tế...

- Các cấp, các ngành chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề lao động - việc làm, chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa tỉnh, huyện, xã trong tổ chức thực hiện chương trình giải quyết việc làm. Tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp khó khăn, nhất là những ngành, nghề nặng nhọc, độc hại. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập (tư thục) còn nhỏ bé, cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy nghề còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu dạy và học nghề.

IV. Các nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian đến

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị

1.1. Tiếp triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận 17, trong đó tập trung rà soát, sửa đổi chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh phù hợp với Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ. Cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp và các cơ sở đào tạo khi xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực phải trên cơ sở quy hoạch nguồn nhân lực chung của tỉnh.

1.2. Thực hiện tốt việc tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị theo Kế hoạch số 125-KH/TU và Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy và các văn bản quy định, hướng dẫn của Trung ương.

1.3. Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ trong Kế hoạch số 155-KH/TU ngày 17/9/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương bảy khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

1.4. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định hiện hành và xây dựng các quy định mới liên quan đến công tác cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, kỹ năng hội nhập để đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, yêu cầu nhiệm vụ của công chức, viên chức. Đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng gắn với mục tiêu nâng cao chất lượng cán bộ cho tỉnh trong tình hình mới; đa dạng hóa loại hình đào tạo, bồi dưỡng; nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn.

1.5. Chú trọng đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí cụ thể, bằng sản phẩm, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị²³.

²³ Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 24/9/2018 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

1.6. Thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị, đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện của ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; bảo đảm nguyên tắc công khai, khách quan, minh bạch, công bằng, cạnh tranh và đúng quy định của pháp luật.

1.7. Chú trọng công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp sư phạm cho đội ngũ giáo viên; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, dạy học, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy. Đổi mới cơ chế, chính sách trong việc dạy, học ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên để cử đi đào tạo đại học, sau đại học trong và ngoài nước tạo nguồn nhân lực chất lượng cao bổ sung cho hệ thống chính trị.

1.8. Có cơ chế huy động nguồn lực và phân bổ hợp lý để nâng cao chất lượng phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị.

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong sản xuất kinh doanh

2.1. Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và xã hội về vị trí, vai trò của đào tạo nghề trong việc tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

2.2. Phát triển nguồn nhân lực qua đào tạo nghề đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành, nghề đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp của thị trường lao động. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho những ngành, lĩnh vực có vai trò quyết định, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm, góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn; các nghề đào tạo phải gắn với nhiệm vụ phát triển ngành như: phục vụ nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đào tạo phục vụ nhu cầu lao động cho doanh nghiệp, cho nhiệm vụ phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, mỗi xã một sản phẩm...

2.3. Thu hút cán bộ trẻ có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình với công việc về làm việc ở hợp tác xã và đưa cán bộ, thành viên hợp tác xã đi đào tạo, bồi dưỡng và học tập kinh nghiệm ở các mô hình hợp tác xã kiểu mới, làm ăn hiệu quả; tiếp tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất tham gia hội chợ triển lãm; tổ chức tập huấn và hỗ trợ cho các hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, nhãn mác sản phẩm để tổ chức sản xuất sản phẩm đặc sản của tỉnh.

2.4. Đổi mới toàn diện các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính; đẩy mạnh xã hội hóa, tách dịch vụ công ra khỏi chức năng quản lý nhà nước.

2.5. Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở và linh hoạt đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động; bảo đảm quy mô, cơ cấu và hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng

chất lượng. Trong đó khuyến khích các doanh nghiệp phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tham gia giáo dục nghề nghiệp theo hình thức đặt hàng của Nhà nước và của doanh nghiệp.

2.6. Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích và chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục thực hiện việc liên kết, hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về đào tạo nghề, năng lực quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và năng lực của nhà giáo giảng dạy giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đào tạo bồi dưỡng giáo viên để chuẩn hóa về kỹ năng nghề nghiệp.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*báo cáo*),
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, Tỉnh đoàn,
- Các huyện ủy, Thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- C,PCVP Tỉnh ủy, P.Tổng hợp, Kinh tế,
- Phòng Tổ chức - Cán bộ, BTCTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Lê Viết Chữ

*

PHỤ LỤC

Các văn bản cụ thể hóa, triển khai thực hiện Kết luận 17
(kèm theo Báo cáo số 378-BC/TU ngày 14/12/2018 của Tỉnh ủy)

1. Tỉnh ủy

- Kế hoạch số 32-KH/TU ngày 21/6/2016 thực hiện Kết luận số 17-KL/TU ngày 19/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3, khóa XIX về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 306-QĐ/TU ngày 25/5/2016 ban hành Quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc diện BTVTU quản lý trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Quyết định số 379-QĐ/TU ngày 31/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ban hành Quy chế luân chuyển, điều động cán bộ, lãnh đạo, quản lý và cán bộ trẻ.

- Quy định số 906-QĐ/TU ngày 24/11/2017 về đánh giá, phân loại cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Quy định số 01-QĐi/TU ngày 15/5/2018 về luân chuyển, điều động cán bộ, lãnh đạo, quản lý và cán bộ trẻ.

- Hướng dẫn số 20-HD/BTGTU ngày 08/9/2016 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền các nghị quyết, kết luận chuyên đề của Tỉnh ủy khóa XIX.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh

- Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 30/9/2016 về chính sách thu hút, ưu đãi nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác, làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi.

- Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 30/9/2016 thông qua Đề án tuyển chọn học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi cử đi đào tạo trong và ngoài nước giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo.

- Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 về chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021.

- Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 về Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với học sinh Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Khiết, tỉnh Quảng Ngãi.

- Nghị quyết số 40/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 về chính sách hỗ trợ cho bác sĩ được chọn, cử đi bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn và quản lý bệnh viện trong nước và ở nước ngoài.

- Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh

- Quyết định số 68/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 về chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Ngãi từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021.

- Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cho bác sĩ được chọn, cử đi bồi dưỡng chuyên sâu về chuyên môn và quản lý bệnh viện trong nước và nước ngoài.

- Quyết định số 57/2016/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 của quy định chính sách thu hút, ưu đãi nguồn nhân lực chất lượng cao đến công tác, làm việc tại tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND*).

- Quyết định 69/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về Đề án tuyển chọn học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi cử đi đào tạo trong và ngoài nước giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo.

- Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 về việc phê duyệt danh mục ngành, nghề đào tạo năm 2017 theo Đề án tuyển chọn học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi cử đi đào tạo trong và ngoài nước.

- Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 14/7/2016 phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn và thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2017.

- Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 29/3/2018 về việc phân khai kinh phí từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018.
